TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUY XUYÊN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:66/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-04-2022
V/v " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYÊN - TỈNH QUẢNG NAM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Thành;

Bà Nguyễn Thị Xuân Hương.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên tham gia phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 31/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 04 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Li N, sinh năm 1985.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Nhật Q, sinh năm 1983.

Cùng trú tại: khối phố C, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện ngày 25/02/2022 và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Li N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Li N và anh Phạm Nhật Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện D, tỉnh Q vào năm 2010. Cuộc sống vợ

chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do hoàn cảnh gia đình khó khăn, anh Q thường xuyên vay mượn để cờ bạc dẫn đến lâm vào cảnh nợ nần, sống thiếu trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng đã không còn sống chung với nhau hơn 01 năm nay. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm và đến nay đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị Lê Li N yêu cầu ly hôn với anh Phạm Nhật Q.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên là Phạm Nhật H, sinh ngày 16/5/2011; Phạm Nhật H1, sinh ngày 08/8/2013, Phạm Nhật H2, sinh ngày 08/8/2013. Chị Lê Li N yêu cầu được nuôi cả ba con khi ly hôn, không yêu cầu anh Phạm Nhật Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn anh Phạm Nhật Q trình bày tại bản tự khai như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Nhật Q và chị Lê Li N tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N. Cuộc sống chung của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nay, chị Lê Li N xin ly hôn thì anh Q thống nhất ly hôn.

- Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung vợ chồng: anh Q thống nhất theo như lời trình bày của chị Lê Li N.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đảm bảo kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Bị đơn không chấp hành đầy đủ pháp luật tố tụng, vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Li N được ly hôn anh Phạm Nhật Q; giao 03 con chung tên là Phạm Nhật H, sinh ngày 16/5/2011; Phạm Nhật H1, sinh ngày 08/8/2013 và Phạm Nhật H2, sinh ngày 08/8/2013 cho chị Lê Li N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

** Những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

- 01 giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính)

- 03 giấy khai sinh con (bản sao)

- 01 đơn xin xác nhận nơi cư trú.

- 01 Giấy chứng minh nhân dân (bản sao)

- 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản sao).

- 03 đơn trình bày nguyện vọng của cháu Phạm Nhật Huy, Phạm Nhật Hải, Phạm Nhật Hoàng.

- Văn bản trình bày ý kiến và đơn xin vắng mặt của anh Phạm Nhật Q.

- Biên bản xác minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lê Li N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Phạm Nhật Q. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: *" ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Q.

Bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Li N và anh Phạm Nhật Q kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N vào năm 2010, nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Q là hợp pháp. Theo lời trình bày của anh chị và qua xác minh tại địa phương thì vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, không còn sống chung với nhau. Tại văn bản trình bày ý kiến, anh Phạm Nhật Q thống nhất ly hôn chị Lê Li N. Tòa án đã tạo điều kiện về mặt thời gian, tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng anh Q không có thiện chí trong việc tham gia hòa giải, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Q lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Li N, cho chị Lê Li N được ly hôn anh Phạm Nhật Q.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên là Phạm Nhật H, sinh ngày 16/5/2011; Phạm Nhật H1, sinh ngày 08/8/2013, Phạm Nhật H2, sinh ngày 08/8/2013. Sau khi xem xét đơn trình bày nguyện vọng của cả ba con chung, ý kiến của nguyên đơn và bị đơn và qua xác minh tại địa phương thì hiện nay chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao 03 con chung nói trên cho chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi thành niên. Chị N không yêu cầu anh Quang cấp dưỡng nuôi con nên

Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: chị N và anh Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[3] Về án phí: Chị Lê Li N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Li N được ly hôn anh Phạm Nhật Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Li N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 03 con chung tên là Phạm Nhật H, sinh ngày 16/5/2011; Phạm Nhật H1, sinh ngày 08/8/2013, Phạm Nhật H2, sinh ngày 08/8/2013 đến tuổi thành niên.

Chi Lê Li N không yêu cầu anh Phạm Nhật Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Nhật Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Lê Li N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lê Li N đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu số 1910 ngày 25/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

Trường hợp Quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/4/2022). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Q;
- VKSND huyện D ;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trần Văn Sinh